

Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đắk Nông

GS.TS. Nguyễn Trần Trọng

Đại học Kinh tế Quốc dân

Lê Huyền Trang

Viện Đào tạo và Nghiên cứu về Tổ chức và Hành chính

Email: lehuyentrangitrao@yahoo.com

Đắk Nông là một tỉnh nghèo và kém phát triển thuộc vùng Tây Nguyên. Mạng lưới doanh nghiệp mới bước đầu phát triển, hầu hết là doanh nghiệp nhỏ và vừa, quy mô bé, công nghệ lạc hậu, trình độ quản lý yếu kém, năng lực cạnh tranh thấp,... Bài viết tập trung vào đánh giá thực trạng phát triển, năng lực cạnh tranh, nguyên nhân dẫn tới năng lực cạnh tranh, cũng như sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Đắk Nông. Từ những kết quả đánh giá trên bài viết đã kiến nghị một số giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Đắk Nông. Những giải pháp đó bao gồm: (1) tích cực tạo môi trường pháp lý, xã hội thuận lợi cho doanh nghiệp, (2) cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện cho các loại hình doanh nghiệp bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội đầu tư, (3) cộng đồng doanh nghiệp nâng cao tính tích cực, năng động sáng tạo.

Từ khóa: năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp vừa và nhỏ, Đắk Nông

1. Tầm quan trọng của doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với việc phát triển kinh tế xã hội

Hiện nay, rất nhiều nước phát triển quan tâm đến doanh nghiệp nhỏ và vừa (như Mỹ, cộng đồng Châu Âu, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc) vì tầm quan trọng của nó đối với phát triển kinh tế xã hội.

Theo WIPO (World Intellectual Property Organization), các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, quy mô nhỏ và vừa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trên cả góc độ kinh tế và xã hội. Ngay trong khối EU, các doanh nghiệp này chiếm tới 99% tổng số doanh nghiệp, tạo ra 65 triệu việc làm và đóng góp 40 đến 50% trong tổng GDP hàng năm. Quan trọng hơn, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ là những cái nôi nuôi dưỡng tinh thần khởi nghiệp và sáng tạo. Trong một khu vực kinh tế, doanh nghiệp nhỏ và vừa giữ vai trò quan trọng trong công cuộc cải tạo và là động lực kinh tế.

Vai trò của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Nhật Bản thể hiện ở phần đóng góp to lớn của chúng về sản lượng hàng hóa, dịch vụ, tạo ra nhiều việc làm và đào tạo tay nghề cho người lao động. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa thường biến động nhưng có xu hướng ngày càng tăng. Năm 1991, các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Nhật Bản chiếm 99,1% số doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp và sử dụng 79,2% lao động trong các ngành đó. Riêng ngành công nghiệp chế tạo, các doanh nghiệp nhỏ

và vừa chiếm 99,5% số doanh nghiệp, 73,8% số lao động và 51,8% giá trị hàng hóa.

Ở các nước Hàn Quốc, Đài Loan, doanh nghiệp nhỏ và vừa đều có tầm quan trọng to lớn như vậy đối với kinh tế và xã hội. Chính phủ Việt Nam, trên cơ sở nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với phát triển kinh tế xã hội, đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhờ đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa hình thành và phát triển khắp thành thị, nông thôn, ở hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực. Hiện nay, các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 97% tổng số các doanh nghiệp trong cả nước, đóng góp trên 40% GDP, giải quyết việc làm cho khoảng hơn 50% lao động. Đây được coi là thành tựu nổi bật nhất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình phát triển.

2. Thực trạng phát triển, năng lực cạnh tranh, và sức ép cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đắk Nông

2.1. Thực trạng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Đắk Nông

Tỉnh Đắk Nông mới được thành lập vào năm 2004. Nhận thức được tầm quan trọng của doanh nghiệp nói chung và của doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng đối với sự phát triển xã hội của tỉnh, UBND tỉnh Đắk Nông đã đưa ra những chủ trương

chính sách, tạo môi trường thuận lợi để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Theo báo cáo của UBND tỉnh Đắk Nông, tình hình đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp năm 2010, 100% doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp nhỏ và vừa và có những đặc điểm sau:

2.1.1. Về số lượng doanh nghiệp

Tổng số doanh nghiệp tính đến 31 tháng 12 hàng năm tăng nhanh. Năm 2004 có 159 doanh nghiệp, năm 2007 có 365 doanh nghiệp, năm 2008 có 431 doanh nghiệp, năm 2010 có 620 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp trong năm 2010 so với năm 2004 tăng lên 3,78 lần. Tuy vậy, số lượng doanh nghiệp của Đắk Nông hiện nay vẫn còn ít ỏi. Theo Niên giám thống kê Việt Nam (2010), vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, tính bình quân số lượng doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp/1000 người) thì Đắk Nông chỉ đạt 1,018 doanh nghiệp/1000 người trong lúc đó, vùng Tây Nguyên 1,398 doanh nghiệp/1000 người. Cả nước đạt 2,862 doanh nghiệp/1000 người. So sánh với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên thì Đắk Nông có chỉ tiêu số doanh nghiệp/1000 người thấp nhất trong vùng. Tỉnh Kontum đạt 1,664 doanh nghiệp/1000 người, tỉnh Gia Lai đạt 1,383 doanh nghiệp/1000 người, Đắk Lắk đạt 1,349/1000 người, tỉnh Lâm Đồng đạt 1,554 doanh nghiệp/1000 người.

2.1.2. Về cơ cấu doanh nghiệp theo loại hình sở hữu

Số lượng doanh nghiệp được phân bố trong các thành phần kinh tế như sau: theo Niên giám thống kê Đắk Nông 2010, tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010, toàn tỉnh Đắk Nông có tổng số 620 doanh nghiệp đang hoạt động với tổng số vốn đăng ký là 5503 tỷ đồng. Trong đó, doanh nghiệp nhà nước có 29 doanh nghiệp, chiếm 4,68%. Trong số 29 doanh nghiệp nhà nước thì có 4 doanh nghiệp là của trung ương, chiếm 0,65% và 24 doanh nghiệp địa phương, chiếm 4,03%. Doanh nghiệp ngoài nhà nước có 588 doanh nghiệp, chiếm 94,48%, trong đó

doanh nghiệp tập thể là 40, chiếm 6,45%, doanh nghiệp tư nhân là 275, chiếm 44,35%; không có công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn nhà nước ít hơn hoặc bằng 50% là 236 doanh nghiệp, chiếm 38,06%, còn lại là công ty cổ phần có vốn nhà nước ít hơn hoặc bằng 50% là 2 công ty và công ty cổ phần không có vốn nhà nước là 35 công ty. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 3 doanh nghiệp, chiếm 0,48% và tất cả đều là 100% vốn nước ngoài không có liên doanh.

2.1.3. Về cơ cấu doanh nghiệp theo ngành nghề

Theo Niên giám thống kê Đắk Nông 2010, các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đắk Nông phân bố khá đồng đều giữa các ngành nghề. Tuy nhiên, tập trung nhiều nhất ở lĩnh vực bán lẻ, bán buôn, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, lâm nghiệp, bán và sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ, sản xuất giường tủ, ghế, chế biến gỗ, khai khoáng, xây dựng nhà các loại.

Qua bảng 1, chúng ta thấy cơ cấu doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Đắk Nông về ngành nghề có xu hướng tăng nhẹ đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông- lâm- nghiệp, giảm nhẹ đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng và tăng nhẹ đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

2.2.4. Về phân bố doanh nghiệp theo các vùng địa lý

Tính đến 31 tháng 12 năm 2010, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Đắk Nông phân bố không đều giữa các vùng địa lý trong tỉnh. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tập trung chủ yếu vào các địa phương phát triển và có điều kiện thuận lợi hơn như mật độ dân cư cao, giao thương vận chuyển tốt hơn,... Cụ thể là phân lớn các doanh nghiệp tập trung ở thị xã Gia Nghĩa, tiếp đến là huyện Đắk Mil, Cư Jut, và Đắk R'lấp và phân bố rất thưa thớt ở các huyện còn lại.

2.1.5. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp

Trong năm 2010, tổng doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên

Bảng 1: Cơ cấu doanh nghiệp vừa và nhỏ của Đắk Nông theo ngành nghề 2007-2010

Khu vực	2007		2008		2009		2010	
	Số DN	%	Số DN	%	Số DN	%	Số DN	%
Nông – lâm nghiệp và thủy sản	25	6,84	35	8,12	40	7,67	44	7,09
Công nghiệp và xây dựng	120	32,87	139	32,25	157	30,13	190	30,64
Dịch vụ	220	60,27	257	59,62	324	62,18	388	62,25
Tổng cộng	365	100	431	100	521	100	620	100

Nguồn: Tính toán từ số liệu trong Niên giám thống kê 2010

Bảng 2: Phân bố các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông 2010

Thị xã/huyện	Số lượng	%
Gia nghĩa	217	35
Đắk Glong	29	4,67
Cư Jut	85	13,7
Đắk Mil	128	20,6
Krông Nô	22	3,55
Đắk Song	41	6,61
Đắk R' lấp	86	13,87
Tuy Đức	12	1,94

Nguồn: Niên giám thống kê Đắk Nông 2010

địa bàn tỉnh Đắk Nông là 9580 tỷ đồng, trong đó, của doanh nghiệp nhà nước là 870 tỷ đồng, trung bình 30 tỷ đồng/doanh nghiệp, doanh nghiệp ngoài nhà nước là 5.586 tỷ đồng, trung bình là 9,5 tỷ đồng/doanh nghiệp và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 3.124 tỷ đồng, trung bình là 1.041 tỷ đồng/doanh nghiệp. Mặc dù, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có doanh thu cao nhưng hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, xét về lợi nhuận trước thuế thì các doanh nghiệp nhà nước đạt 0,724 tỷ đồng/doanh nghiệp chiếm 2,4% doanh thu, doanh nghiệp ngoài nhà nước là 0,1122 tỷ đồng/doanh nghiệp, chiếm 1,18% doanh thu và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 106,6 tỷ đồng/doanh nghiệp, chiếm 10,18% doanh thu (số liệu tính toán dựa trên số liệu của niên giám thống kê Đắk Nông 2010).

Điều này nói lên, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động có hiệu quả nhất, còn doanh nghiệp nhỏ và vừa của quốc doanh hoặc ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Nông kém hiệu quả và gặp nhiều khó khăn.

2.1.6. Đóng góp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa cho kinh tế địa phương

Trong những năm qua, các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đắk Nông đã đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách, góp phần phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo và giải quyết các vấn đề xã hội như tạo việc làm cho người lao động.

Năm 2010, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đóng thuế và các khoản nộp khác vào ngân sách nhà nước 355 tỷ đồng, trong đó doanh nghiệp nhà nước nộp 18 tỷ đồng, doanh nghiệp tư nhân nộp 332 tỷ đồng và doanh nghiệp nhỏ và vừa đã đóng góp 8% cho thu nhập toàn tỉnh và đóng góp 100% cho kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Tổng giá trị xuất khẩu do các doanh nghiệp nhỏ

và vừa tại Đắk Nông thực hiện là 250 triệu USD. Tuy nhiên, chỉ có doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là xuất khẩu còn các doanh nghiệp nhà nước chỉ tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước. Doanh nghiệp nước ngoài đóng góp chủ yếu, chiếm 95% trong khi các doanh nghiệp tư nhân khác chỉ đóng góp 5% vào kim ngạch xuất khẩu của tỉnh Đắk Nông trong năm 2010.

Đối với vấn đề xã hội, các doanh nghiệp nhỏ và vừa tính đến nay đã tạo được 10212 việc làm cho người lao động. Trong đó, khối doanh nghiệp tư nhân dẫn đầu trong tạo việc làm chiếm 74,46%, khu vực Nhà nước đóng góp 18,57% và khu vực ngoài đóng góp thấp nhất với 6,96%.

Mặc dù Đắk Nông là địa phương có điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, số lượng các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh không nhiều so với các tỉnh khác ở Tây Nguyên và còn rất non trẻ, những sự đóng góp trên đây của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đắk Nông thật đáng khích lệ và trân trọng.

2.2. Thực trạng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đắk Nông

2.2.1. Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đắk Nông

Theo điều tra và khảo sát, cảm nhận chung là năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đắk Nông hiện nay rất thấp. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đắk Nông khó có thể thực hiện bất kỳ hình thức cạnh tranh nào trên thị trường như cạnh tranh giá cả, cạnh tranh phi giá cả. Ví dụ, cạnh tranh giá cả là một thủ đoạn lợi dụng giá cả trên thị trường tiến hành cạnh tranh. Thủ đoạn cạnh tranh này chủ yếu là bán hàng ra thị trường với giá bán thấp hơn hàng hóa cùng loại trên thị trường gốc, hoặc địa phương khác, nước khác. Đối với hình thức cạnh tranh giá cả này, các doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Đắk Nông khó có thể thực hiện được vì giá cả hàng hóa không rẻ hơn các nơi khác, do nhiều lý do, trong đó có việc chi phí vận chuyển hàng hóa cao hơn so với nơi khác ước tính từ 10% đến 20% vì mạng lưới giao thông vận chuyển còn quá yếu kém so với các tỉnh lân cận. Ở đây, so sánh với các nước như Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia thì các sản phẩm của các doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông, có giá thành cao hơn từ 1,58 đến 9,25 lần, mặc dù giá nhân công thuộc loại thấp so với các nước khác trong khu vực.

Đối với hình thức cạnh tranh phi giá cả chỉ thủ đoạn cạnh tranh không thay đổi giá cả tiêu thụ của

sản phẩm. Hình thức cạnh tranh phi giá cả là sự chênh lệch sản phẩm ở các mặt bao gồm tính năng và đặc điểm của sản phẩm như chất lượng, kiểu dáng, nhãn hiệu, bao bì sản phẩm,... hoặc là sự khác biệt của các điều kiện về mặt tiêu thụ sản phẩm như phương thức, địa điểm, uy tín tiêu thụ,... Đối với hình thức cạnh tranh này thì các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đắk Nông đã không áp dụng một cách có hiệu quả. Qua khảo sát, sự chênh lệch sản phẩm về chất lượng, kiểu dáng, nhãn hiệu, bao bì sản phẩm, phương thức, địa điểm, uy tín tiêu thụ không có gì khác biệt hay nổi trội hơn so với các tỉnh khác. Qua đó, có thể thấy năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Đắk Nông thấp.

2.2.2. Những nguyên nhân của năng lực cạnh tranh thấp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Đắk Nông

2.2.2.1. Quy mô của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đắk Nông quá nhỏ bé

Quy mô của các doanh nghiệp nhỏ và vừa được thể hiện ở chỗ:

+ Bình quân vốn sản xuất kinh doanh/1 doanh nghiệp là 10,48 tỷ đồng/doanh nghiệp.

+ Bình quân lao động/1 doanh nghiệp là 19,65 lao động/doanh nghiệp.

+ Tổng doanh thu sản xuất bình quân/doanh nghiệp là 16,06 tỷ đồng/doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp nhà nước là 30 tỷ đồng/doanh nghiệp, doanh nghiệp ngoài Nhà nước là 9,5 tỷ đồng/doanh nghiệp, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là 1041 tỷ đồng/doanh nghiệp.

+ Lợi nhuận bình quân/doanh nghiệp là 657,55 triệu đồng/ doanh nghiệp bằng 4,25% doanh thu, trong đó lợi nhuận bình quân trên một doanh nghiệp nhà nước là 725 triệu đồng/doanh nghiệp bằng 2,4% doanh thu, lợi nhuận bình quân/doanh nghiệp ngoài nhà nước là 113,1 triệu đồng/doanh nghiệp bằng 1,18% doanh thu, lợi nhuận bình quân trên doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là 106,73 triệu đồng/doanh nghiệp bằng 10,18% doanh thu. (Số liệu tính toán dựa vào niên giám thống kê Đắk Nông năm 2010).

Qua chỉ tiêu lợi nhuận bình quân trên doanh nghiệp, và tỷ lệ so sánh và tỷ lệ so sánh với doanh nghiệp chúng ta càng thấy không chỉ lợi nhuận trên doanh nghiệp quá ít ỏi mà hiệu quả kinh doanh rất thấp. Điều này làm cho doanh nghiệp khó đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất theo chiều sâu.

Nói tóm lại, qua những chỉ tiêu quy mô của doanh nghiệp trên đây cho thấy quy mô của các

doanh nghiệp nhỏ và vừa là quá nhỏ bé. Điều đó là nguyên nhân làm cho năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa thấp.

2.2.2.2 Chất lượng nguồn nhân lực thấp

Đội ngũ chủ doanh nghiệp, cán bộ quản lý doanh nghiệp còn thiếu rất nhiều kiến thức quản trị và kỹ năng kinh nghiệm quản lý. Theo báo cáo của cục thống kê về 620 doanh nghiệp của tỉnh thì số lãnh đạo doanh nghiệp có trình độ thạc sỹ chỉ đạt 0,048%, không có tiến sỹ, lao động có trình độ đại học chiếm 8,48%, cao đẳng 6,2%, trung cấp chuyên nghiệp 12%, sơ cấp 3,3% và lao động phổ thông chiếm tỷ lệ rất cao, gần 70%. Qua khảo sát có thể nói, đa số các chủ doanh nghiệp và giám đốc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa được đào tạo một cách bài bản về kiến thức kinh doanh, quản lý kinh tế xã hội, văn hóa pháp luật và kỹ năng quản trị kinh doanh. Điều đó được thể hiện qua việc nhiều doanh nghiệp chưa hoàn thành tốt công tác quản lý nhân sự, quản lý tài chính chất lượng hàng hóa,.. và vì thế năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa thấp.

2.2.2.3. Thiết bị và công nghệ lạc hậu

Hầu hết các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Đắk Nông vừa nằm trong tình trạng thiết bị, công nghệ lạc hậu, cũ kỹ, đã qua sử dụng từ lâu. Theo báo cáo của Cục Thống kê Đắk Nông, hiện nay, đa số các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang sử dụng máy móc, thiết bị còn lạc hậu, 76% máy móc, dây chuyền công nghệ được sản xuất từ những năm 1950-1960. 73% số thiết bị đã hết khấu hao, 50% số thiết bị là đồ tân trang. Tóm lại, máy móc thiết bị ở các doanh nghiệp đang sử dụng trên địa bàn tỉnh chỉ có 10% hiện đại, 40% trung bình và 50% là lạc hậu và rất lạc hậu, tỷ lệ sử dụng công nghệ cao mới chỉ có 2%, việc đầu tư đổi mới công nghệ rất thấp, chi phí khoảng 0,2%-0,3% tổng doanh thu.

2.2.2.4. Trình độ quản trị kinh doanh yếu kém

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đắk Nông phần lớn mới được thành lập trong những năm gần đây nên kinh nghiệm quản trị kinh doanh chưa có nhiều. Hơn nữa, phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập từ ý tưởng của cá thể hoặc một nhóm bạn bè hay trên cơ sở góp vốn của nhiều người trong gia đình tập trung vào một vài người. Vì thế không phát huy được tính tự chủ sáng tạo của nhân viên. Rất ít doanh nghiệp sử dụng được nguồn trí tuệ của cán bộ nhân viên. Điều này đưa đến nhiều hạn chế nâng cao trình độ quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa thường

có tầm nhìn ngắn hạn chạy theo lợi nhuận tức thời, chỉ sản xuất những gì mình có, ít quan tâm đến thị trường. Phần lớn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa quan tâm đến vấn đề xây dựng thương hiệu, chưa khẳng định được uy tín, chất lượng và năng lực cạnh tranh trên thị trường khu vực. Mặc dù trên thực tế đã có một số doanh nghiệp xây dựng được thương hiệu cho mình như hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Minh An đã xây dựng được thương hiệu cà phê bột “Coffee Đắk Lập-Đắk Mil”, công ty TNHH công nghiệp thực phẩm Tất Thắng với thương hiệu Tất Thắng. Đó là những bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

Chiến lược phân phối, chiến lược truyền thông và xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Đắk Nông có nhiều hạn chế.

Do số doanh nghiệp trên địa bàn có quy mô nhỏ nên hạn chế tầm hoạt động về mạng lưới phân phối sản phẩm. Trong khi đó, hoạt động xúc tiến thương mại còn giản đơn, sơ lược và chưa có hiệu quả thiết thực. Có rất ít doanh nghiệp xây dựng được chương trình xúc tiến thương mại, giới thiệu một cách bài bản về sản phẩm cho khách hàng. Hầu hết các doanh nghiệp chưa nhận thức đúng được giá trị và ý nghĩa của xúc tiến thương mại, quảng cáo.

Trên đây, chỉ nêu một vài hạn chế về trình độ quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đắk Nông gây ảnh hưởng nhất định đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

2.2.2.5. Môi trường kinh doanh ít thuận lợi

Môi trường kinh doanh ít thuận lợi của tỉnh Đắk Nông cũng là nguyên nhân khách quan đưa đến việc các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đắk Nông có sức cạnh tranh thấp. Chẳng hạn kết quả đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh của Đắk Nông từ năm 2007 đến năm 2010 luôn nằm trong vị trí ở cuối với tổng số điểm được đánh giá luôn nằm trong nhóm thấp. Đây là một thách thức đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động ở Đắk Nông trong việc tồn tại và phát triển vì môi trường kinh doanh là yếu tố vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của doanh nghiệp.

Cùng với việc đó, so với các tỉnh khác trong vùng Tây Nguyên, Đắk Nông còn nhiều khó khăn như thiếu lao động lành nghề, cơ sở hạ tầng kém phát triển đặc biệt là vấn đề giao thông vận tải và một số vấn đề xã hội, an ninh chính trị như vấn đề di cư tự do, ô ạt, triền miên của dân tộc thiểu số từ các tỉnh miền núi phía Bắc vào Đắk Nông phá hủy môi trường sinh thái và đa dạng sinh học, gây tiềm ẩn

bất ổn về an ninh, chính trị,... Tất cả vấn đề này ít nhiều ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đắk Nông.

Trên đây là những nguyên nhân chủ quan và khách quan chủ yếu nhất đưa đến năng lực cạnh tranh thấp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Đắk Nông.

2.3. Sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đắk Nông

Đây là cuộc điều tra trực tiếp tại chỗ để sơ bộ nêu lên bức tranh về sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đắk Nông.

Cuộc điều tra các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đắk Nông được đánh giá theo thang điểm từ 1-5. Mức độ 1 là mức thấp nhất và 5 là cao nhất. Mức 1 là hầu như không có tác động, mức 2 có tác động nhưng rất nhỏ, mức 3 là trung bình, mức 4 là tác động tương đối cao, mức 5 là tác động rất cao.

Trên cơ sở phân tích những câu trả lời của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đắk Nông về các yếu tố tác động đến môi trường cạnh tranh, nhóm nghiên cứu đã đưa ra những nhận định sau:

- Hiện nay, sức ép cạnh tranh trên toàn bộ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đắk Nông tương đối cao với điểm số đánh giá là 3,413/5 điểm.

- Sự lo ngại về tình hình cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đắk Nông theo từng khía cạnh tương đối khác nhau nếu so sánh các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực khác nhau.

+ Về mức độ cạnh tranh, lớn nhất là cạnh tranh trong ngành dịch vụ với điểm số đánh giá là 3,824/5 điểm vì thị trường tiêu thụ chủ yếu là trong tỉnh và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ chiếm nhiều nhất. Do vậy, mức độ cạnh tranh để chiếm lĩnh thị trường sẽ cao nhất so với những ngành khác. Và cạnh tranh thấp nhất là ngành chế biến nông sản và công nghiệp khai khoáng, chỉ có 3,25/5 điểm.

+ Xét về nguy cơ xuất hiện đối thủ cạnh tranh, ngành khai khoáng có nguy cơ cao nhất với điểm số đánh giá là 3,75/5 điểm. Ngành có nguy cơ về đối thủ cạnh tranh nhỏ nhất là ngành dịch vụ với điểm số đánh giá là 2,706/5 điểm.

+ Đối với sức ép về sự xuất hiện sản phẩm thay thế, nhìn chung các doanh nghiệp không mấy lo ngại. Tuy nhiên, riêng đối với công nghiệp khai khoáng thì các doanh nghiệp lại tỏ ra lo lắng về việc có khả năng xuất hiện sản phẩm thay thế, với điểm số đánh giá là 3,75/5. Công nghiệp chế biến nông sản là ngành lạc quan nhất với sự xuất hiện sản

phẩm thay thế với điểm số 1,75/5 điểm.

+ Đối với lo ngại về cung ứng đầu vào thì ngành xây dựng lại tỏ ra ít lo ngại nhất với số lượng những nhà cung ứng đầu vào thường xuyên được đánh giá ở mức 4/5 điểm và ngành dịch vụ tỏ ra lo ngại nhất về yếu tố đầu vào cung ứng chỉ với 2,492/5 điểm.

+ Về thị trường tiêu thụ có sự khác biệt khá rõ giữa các ngành. Ít lo ngại nhất về thị trường tiêu thụ là các ngành công nghiệp khác với 4/5 điểm trong khi ngành xây dựng lại là ngành lo lắng nhất về thị trường tiêu thụ với điểm số đánh giá là 2,5/5 điểm

- Khi so sánh các hình thức pháp lý của doanh nghiệp thì lo ngại của các doanh nghiệp về 5 khía cạnh liên quan đến tình hình cạnh tranh cũng có những khác biệt, cụ thể là:

+ Sức ép cạnh tranh hiện nay giữa các loại hình doanh nghiệp là tương đối giống nhau cao nhất là các công ty cổ phần với 3,78/5 điểm và thấp nhất là doanh nghiệp tư nhân với 3,14/5 điểm. Tương tự như vậy, đối với số lượng doanh nghiệp có thể cung ứng thường xuyên đầu vào thì cao nhất là doanh nghiệp tư nhân với 2,7/5 điểm và thấp nhất là doanh nghiệp nhà nước với 2,33/5 điểm.

+ Tuy nhiên, khi xét các yếu tố khác thì lại có sự khác biệt khá rõ. Đối với khả năng xuất hiện đối thủ mới thì cao nhất là công ty cổ phần với 3,33/5 điểm và thấp nhất là doanh nghiệp tư nhân với 2,5/5 điểm.

+ Đối với khả năng xuất hiện sản phẩm mới thay thế thì cao nhất là doanh nghiệp tư nhân với 3,5/5 điểm và thấp nhất là doanh nghiệp nhà nước với 2,5/5 điểm.

+ Xét về thị trường tiêu thụ, số lượng các đơn vị có thể tiêu thụ thường xuyên các sản phẩm của doanh nghiệp cao nhất là doanh nghiệp nhà nước với 3/5 điểm và thấp nhất là doanh nghiệp tư nhân với 2/5 điểm.

Nhìn vào kết quả ở các bảng, có thể thấy rằng

Bảng 4: Cạnh tranh đối với các doanh nghiệp ở những ngành nghề khác nhau

	Sức ép cạnh tranh (điểm)	Đối thủ mới (điểm)	Sản phẩm mới (điểm)	Cung ứng (điểm)	Tiêu thụ (điểm)
TB chung	3,413	2,87	2,435	2,565	2,543
Công nghiệp chế biến	3,75	2,75	2,75	2,5	3
Chế biến nông sản	3,25	3,25	1,75	3	3,25
Khai khoáng	3,25	3,75	3,75	3	3,25
Công nghiệp khác	3,5	3	2,5	4	4
Xây dựng	3,6	3,3	2,7	3,2	2,5
Nông nghiệp	-	-	-	-	-
Dịch vụ	3,824	2,706	2,529	2,492	2,529

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu Viện Nghiên cứu và đào tạo về tổ chức hành chính (ITRAO)

tình hình cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Đắk Nông hiện nay không quá căng thẳng. Hầu hết các yếu tố đánh giá chỉ nằm ở mức trên trung bình nhưng chưa đạt tới mức cao. Tuy vậy, việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở tỉnh Đắk Nông là vấn đề cần đặc biệt quan tâm.

3. Một số giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đắk Nông

3.1. Tích cực tạo môi trường pháp lý, xã hội thuận lợi cho doanh nghiệp

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trước hết cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính tại các bộ phận “một cửa”, một cửa liên thông; nhất là trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, đất đai; nâng cao chất lượng phục vụ của hệ thống dịch vụ công theo hướng “đơn giản, thuận tiện, nhanh chóng, tin cậy” nhưng vẫn đảm bảo quản lý chặt chẽ quy định của pháp luật. Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, lề lối, tác phong làm việc, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thi hành công vụ; xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp tiêu cực, những nhiễu với các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Thành lập tổ công tác doanh nghiệp của UBND tỉnh có đủ thẩm quyền để nhanh chóng giải quyết các vướng mắc, đề xuất của doanh nghiệp. Theo đó UBND tỉnh nên:

- Chỉ đạo các cấp, các ngành phải thật sự quan tâm, dành thời gian để chỉ đạo, điều hành công tác cải cách thủ tục hành chính.

- Bố trí đủ kinh phí để trang bị máy móc, thiết bị công nghệ thông tin, nối mạng nội bộ cũng như mạng internet cho các cơ quan, đơn vị đang thực hiện cơ chế “một cửa” và những cơ quan, đơn vị chuẩn bị thực hiện cơ chế “một cửa”.

Bảng 5: Cạnh tranh của các doanh nghiệp giữa các hình thức pháp lý khác nhau

	Sức ép cạnh tranh (điểm)	Đối thủ mới (điểm)	Sản phẩm mới (điểm)	Cung ứng (điểm)	Tiêu thụ (điểm)
TB chung	3,413	2,87	2,435	2,565	2,543
DN Nhà nước	3,33	3	2	2,33	3
Cty Cổ phần	3,78	3,33	2,89	2,56	2,78
Cty TNHH	3,37	2,926	2,185	2,536	2,556
DN Tư nhân	3,14	2	3	2,71	2

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu Viện Nghiên cứu và đào tạo về tổ chức hành chính (ITRAO)

- Bố trí kinh phí và chỉ đạo tổ chức ngay các lớp học bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc theo cơ chế “một cửa” cho các cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thực hiện chương trình đào tạo cán bộ công chức, viên chức về việc xử lý các thủ tục hành chính cũng như cập nhật kiến thức chuyên môn nhằm nâng cao năng lực cán bộ để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của các cơ quan công quyền.

- Chỉ đạo các cấp, ngành đẩy mạnh cải cách hành chính, trước hết là cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính theo hướng một cửa, một đầu mối, theo hướng đơn giản, thuận tiện, đáng tin cậy với nhân dân, doanh nghiệp; trước tiên là thực hiện mô hình một cửa liên thông đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký thuế, giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu. Nâng cao chất lượng phục vụ của hệ thống dịch vụ công; đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, lề lối, tác phong làm việc, chấn chỉnh và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thi hành công vụ, nâng cao chất lượng phục vụ của hệ thống dịch vụ công; tiếp nhận và phản ánh các hiện tượng tiêu cực, những khiếu nại, doanh nghiệp; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đồng thời chỉ đạo các sở, ban, ngành thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan cấp dưới thực hiện cơ chế “một cửa” kịp thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh, sửa đổi quy chế hoạt động của bộ phận tiếp nhận, xử lý và trả kết quả cho phù hợp với đặc điểm của từng ngành một cách khoa học và đúng thời gian quy định.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành chưa triển khai thực hiện cơ chế “một cửa” cần khẩn trương nghiên cứu, áp dụng cơ chế này tại cơ quan, đơn vị mình theo quy định của Chính phủ và UBND tỉnh.

- Chỉ đạo các cấp, ngành thường xuyên kiểm tra nhằm phát hiện những điểm bất cập, không hợp lý trong cải cách thủ tục hành chính để kịp thời sửa đổi, điều chỉnh hoặc báo cáo cấp trên xử lý.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về quan điểm, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước, các cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển doanh nghiệp. Tổ chức phát động trong toàn dân tôn vinh những người quản lý, lao động giỏi, giải quyết được nhiều việc làm, tích cực đóng góp cho ngân sách nhà nước, khuyến khích thành lập doanh nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh, nhân rộng các mô hình kinh tế tư nhân có hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ nội dung của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư; tổ chức có hiệu quả Chương trình về trợ giúp phát triển DNNVV, chương trình hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp đến năm 2010, thực hiện tốt hệ thống chính sách của tỉnh đã ban hành; ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của doanh nghiệp, nhất là cơ chế, chính sách về đất đai, tài chính tín dụng, đào tạo nguồn nhân lực. Trước mắt, cố gắng bố trí đủ nguồn kinh phí hàng năm để thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư mà tỉnh đã ban hành.

- Duy trì thường xuyên các cuộc gặp mặt, đối thoại giữa các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp; hàng năm tổ chức tôn vinh, khen thưởng các doanh nghiệp, doanh nhân giỏi.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội đối với phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3.2. Cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện cho các loại hình doanh nghiệp bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội đầu tư

3.2.1. Cải thiện cơ sở hạ tầng sản xuất và xã hội

- Cơ sở hạ tầng giao thông trực chính của tỉnh kém sẽ làm cho lãng phí thời gian và chi phí vận chuyển đội lên rất cao, điều này sẽ gây bất lợi lớn đối với doanh nghiệp hoạt động tại Đắk Nông, đặc biệt là cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với quy mô và tiềm lực còn vô cùng hạn chế. Vì vậy, UBND tỉnh cần có một chương trình cụ thể kiến nghị Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải tập trung cải tạo hệ

thống giao thông này.

Phát triển mạng lưới giao thông đến tận các huyện, xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người để khai thác thế mạnh về đất đai, lâm nghiệp, khoáng sản của vùng này và giao lưu hàng hóa. Đồng thời, tỉnh cũng cần chú ý đến vấn đề cung cấp điện và nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt, và huy động nguồn lực để cải thiện các cơ sở hạ tầng khác như trường học, khu vui chơi giải trí cho người lao động và con cái họ.

- Nghiên cứu đề án nhằm huy động tối đa sự tham gia của xã hội vào xây dựng công trình cơ sở hạ tầng.

- Rà soát lại các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm tập trung vốn để hoàn thành kịp thời, đúng hạn các công trình xây dựng; rà soát các công trình chậm tiến độ và đề xuất phương án giải quyết dứt điểm.

3.2.2. Thực hiện tốt các hỗ trợ đầu tư

* Đất đai – xây dựng

- Nghiên cứu thông lệ tốt tại một số tỉnh trong cả nước và đề xuất mô hình tạo quỹ đất sạch cho doanh nghiệp vừa và nhỏ và cho việc xây dựng vườn ươm doanh nghiệp. Tổ chức tư vấn, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi tìm kiếm mặt bằng sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu và xây dựng hệ thống cơ chế đăng ký nhu cầu sử dụng đất thông qua internet định kỳ và thường xuyên để nắm được thông tin cần thiết cho việc xây dựng và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng cơ chế hài hòa hóa các thủ tục về đầu tư – xây dựng – đất đai theo cơ chế liên thông nhằm rút ngắn tối đa thời gian và chi phí, nâng cao tính minh bạch, giảm chi phí phi chính thức cho các doanh nghiệp.

- Nghiên cứu quy hoạch và xây dựng khu tái định cư để tạo thuận lợi cho công tác giải phóng mặt bằng.

* Tín dụng

- Nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ của quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đắk Nông. Khuyến khích các ngân hàng tăng cường nguồn vốn tín dụng cho vay đầu tư, SXKD; có chính sách mở, tạo điều kiện cho vay không hạn chế số lượng, thành phần nhưng hướng vào các ngành nghề DN làm ăn có hiệu quả;

Đối với những dự án cần nguồn vốn đầu tư lớn nhưng đem lại hiệu quả KT-XH cao, tỉnh Đắk Nông cần đứng ra bảo lãnh để DN được vay vốn từ các ngân hàng; ngoài ra, tỉnh cần hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các DN vừa và nhỏ nhưng làm ăn có hiệu quả

thông qua Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đắk Nông để thúc đẩy khu vực này phát triển.

- Hiện nay, các tổ chức tín dụng và tài chính quốc tế như World Bank (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) có Chương trình Hợp tác công tư (Public - Private Partnership Program) cung cấp khoản vốn tài trợ cho Nhà nước để thu hút khu vực tư nhân tham gia vào các lĩnh vực đầu tư, phát triển sản xuất, cơ sở hạ tầng. Các tổ chức này thường tài trợ vốn cho Nhà nước để Nhà nước cho khu vực tư nhân vay thông qua các Quỹ Hỗ trợ phát triển của địa phương với lãi suất thấp hơn lãi suất của các ngân hàng thương mại và thời gian vay dài hơn.

Tiếp cận với các chương trình này sẽ có lợi cho tỉnh vì có thêm nguồn tín dụng hỗ trợ cho DN đầu tư vào các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, xây dựng nhà ở... Do đó, tỉnh cần chỉ đạo Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh tiếp tục phát triển, hoàn thiện năng lực hoạt động và chủ động tiếp cận với các tổ chức tài chính để được tham gia Chương trình Hợp tác công tư.

* Gia nhập thị trường

- Tổ chức thực hiện tốt Nghị định số 43/2010/ND-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, nhằm giảm thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

* Nâng cao tính minh bạch

- Nâng cao chất lượng trang web Cổng thông tin về doanh nghiệp và đầu tư Đắk Nông nhằm cung cấp thông tin về môi trường kinh doanh, các thông tin cần thiết cho doanh nghiệp. Trang web này phải thường xuyên cung cấp đầy đủ, kịp thời và cập nhật các thông tin về môi trường kinh doanh, thủ tục về doanh nghiệp, đầu tư tại tỉnh. Chia sẻ các thông tin về doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát và đánh giá lại toàn bộ các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và công bố công khai, rộng rãi trên Internet.

- Ban hành quy chế lấy ý kiến công chúng để đảm bảo các dự thảo văn bản của tỉnh trước khi ban hành phải được công khai và lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan. Việc lấy ý kiến phải đảm bảo thực chất và cầu thị.

3.2.3. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư

- Thực hiện một chương trình truyền thông có định hướng về môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh và các nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh. Lồng ghép hoạt động truyền thông trong tất cả các sự kiện trên và các sự kiện khác của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh. Mục tiêu của cơ chế này là nhằm tăng cường đối thoại doanh nghiệp và chính quyền một cách thường xuyên hơn để giải quyết kịp thời khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu xây dựng, biên soạn các tài liệu hướng dẫn cần thiết cho doanh nghiệp trong tuân thủ pháp luật và giải quyết tranh chấp.

- Tăng cường tập huấn, phổ biến và cập nhật kiến thức pháp luật cho cán bộ và doanh nghiệp.

- Hỗ trợ theo sát các doanh nghiệp trong tình giải quyết tháo gỡ những khó khăn một cách kịp thời.

3.2.4. Hỗ trợ phát triển thị trường, quảng bá sản phẩm

- Tỉnh cần quan tâm đầu tư hơn nữa tới công tác xúc tiến đầu tư và thương mại vì vai trò của hoạt động xúc tiến thương mại có ý nghĩa quan trọng đến việc cung cấp thông tin, hướng dẫn các định chế và thông lệ quốc tế, định hướng thị trường cho DN. Tỉnh nên tổ chức bộ phận chuyên trách và có trang thông tin điện tử riêng về công tác thông tin, dự báo thị trường, giới thiệu, quảng bá sản phẩm doanh nghiệp, hướng dẫn các doanh nghiệp gia nhập thị trường, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa sản xuất; hỗ trợ các doanh nghiệp chủ động, tích cực tiếp cận thị trường bằng nhiều hình thức để tổ chức sản xuất, kinh doanh theo nhu cầu thị trường.

- Vì tiềm lực của DN Đắk Nông chưa mạnh nên tỉnh cần hỗ trợ kinh phí cho DN xuất khẩu (XK) các mặt hàng chủ lực của tỉnh; tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế chuyên ngành ở các thị trường lớn theo hình thức hỗ trợ kinh phí trực tiếp để DN tự tham gia hoặc tổ chức theo hình thức giới thiệu gian hàng chung của cộng đồng DN tỉnh Đắk Nông. Ngoài ra, tỉnh cần hỗ trợ kinh phí cho Trung tâm xúc tiến du lịch, đầu tư và thương mại hợp tác với Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) tổ chức giới thiệu sản phẩm XK của Đắk Nông tại 3 trung tâm giới thiệu sản phẩm Việt Nam tại các thị trường Mỹ, Nga và Dubai.

- Đặc biệt, cần sớm xây dựng một trung tâm trưng bày giới thiệu sản phẩm và thương hiệu của các DN Đắk Nông. Đây cũng chính là một hình thức tập trung quảng bá sản phẩm XK của Đắk Nông đến thương nhân và du khách quốc tế đến Đắk Nông; đồng thời, giúp người tiêu dùng Đắk Nông và trong nước biết đến sản phẩm của tỉnh, góp phần đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm tại thị trường nội địa.

- Nâng cao vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực

cạnh tranh, mở rộng thị trường.

3.2.5. Hỗ trợ đổi mới nâng cao năng lực công nghệ và trình độ kỹ thuật

- Tranh thủ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ để ưu tiên đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị theo chiến lược phát triển và mở rộng sản xuất của các DNVVN đối với các sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm công nghệ hỗ trợ; Nâng cao năng lực công nghệ của các DNVVN thông qua chương trình hỗ trợ nghiên cứu, phát triển công nghệ sản xuất các sản phẩm, chuyên giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; Giới thiệu, cung cấp thông tin về công nghệ, thiết bị cho các DNVVN, hỗ trợ đánh giá, lựa chọn công nghệ.

- Ngoài trợ giúp của Trung ương, cần có kế hoạch và bố trí kinh phí hỗ trợ cho các DNVVN thực hiện đăng ký và bảo hộ, chuyên giao quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm và dịch vụ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO và các tiêu chuẩn quốc tế khác.

- Có cơ chế khuyến khích hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu, trường đại học và cao đẳng với các doanh nghiệp trong tỉnh với mục tiêu thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ ở một số lĩnh vực ưu tiên.

3.2.6. Phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, nhất là các luật, quy định liên quan đến phát triển, hoạt động của doanh nghiệp như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Hợp tác xã, Luật Đấu thầu, Luật Thuế, Luật Đất đai, Luật Lao động, Luật Thương mại,... UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan.

Đối với việc trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 ngay khi các Bộ, ngành có Thông tư hướng dẫn, ở cấp tỉnh và cấp huyện cần có kế hoạch tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn.

- Rà soát, tập hợp và công bố công khai các chương trình hỗ trợ đào tạo lao động cho các đơn vị đào tạo và doanh nghiệp biết.

- Thực hiện đánh giá tình trạng lao động, nhu cầu lao động và đào tạo của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; và công bố công khai. Tiến tới, xây dựng hệ thống đăng ký lao động, nhu cầu lao động và đào tạo lao động một cách thường xuyên để xây dựng cơ sở dữ liệu về lao động.

- Tập trung nâng cấp các cơ sở dạy nghề công lập theo hướng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, nhất là những ngành nghề liên quan đến các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Khuyến khích các nhà đầu tư thành lập các cơ sở dạy nghề ngoài công lập, khuyến khích các doanh nghiệp cùng phối, kết hợp với các cơ sở dạy nghề trong quá trình đào tạo lao động.

- Khuyến khích các cơ sở nghiên cứu, đào tạo phối hợp với các doanh nghiệp trong công tác dạy nghề cũng như nghiên cứu đưa ra những sản phẩm mới, công nghệ mới, đặc biệt những công nghệ liên quan đến các sản phẩm chủ lực.

3.2.7. Cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp

- Xây dựng trang web riêng của tỉnh cần liên tục cập nhật thông tin về tình hình phát triển kinh tế xã hội Đắk Nông, những chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, thông tin về thị trường, giới thiệu và quảng bá sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên cập nhật thông tin hàng ngày, không để các trang web của tỉnh bị chết do thông tin không được cập nhật.

- Xây dựng trang web về thông tin doanh nghiệp trong tỉnh như địa chỉ, trụ sở, ngành nghề kinh doanh, vốn đăng ký,... và kết nối với tất cả các huyện, thị, thành phố cũng như với trung ương nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho các doanh nghiệp và doanh nhân khi họ cần.

3.2.8. Bảo vệ môi trường và trách nhiệm đối với cộng đồng của doanh nghiệp

- Tăng cường việc tuyên truyền đối với các doanh nghiệp về việc bảo vệ môi trường, hạn chế sử dụng công nghệ gây ô nhiễm môi trường.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường; khuyến khích các hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học- công nghệ hoặc công nghệ xử lý môi trường.

- Tuyên truyền cho doanh nghiệp để lồng ghép việc hoàn thành trách nhiệm đối với cộng đồng của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp đạt được sự cân bằng giữa việc phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường

Tài liệu tham khảo:

1. Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương- Trung tâm thông tin- Tư liệu năm 2011.
2. Báo cáo về tình hình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước tỉnh Đắk Nông- UBND tỉnh Đắk Nông 2010.
3. Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.
4. Niên giám thống kê tỉnh Đắk Nông 2010.
5. Niên giám thống kê Việt Nam 2000, 2005, 2010.

và đảm bảo các vấn đề xã hội và cùng lúc thỏa mãn kỳ vọng của các bên liên quan. Hiện nay, trên thế giới, trách nhiệm đối với cộng đồng của doanh nghiệp được coi là một trong những công cụ hiệu quả nhất trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

3.3. Cộng đồng doanh nghiệp nâng cao tính tích cực, năng động sáng tạo

Tiếp tục ứng dụng tiến bộ công nghệ, khoa học kỹ thuật, nâng cao năng lực tài chính, cải thiện, tiêu chuẩn hoá chất lượng, mẫu mã sản phẩm; áp dụng phương thức quản lý tiên tiến cùng những cam kết xã hội để nhanh chóng hoà nhập vào sân chơi chung của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh thuận lợi; năng động trong khai thác các nguồn vốn, chủ động nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm tạo uy tín trên thị trường; tận dụng triệt để tiềm năng lợi thế của địa phương để mở rộng sản xuất. Quan tâm xây dựng thương hiệu, văn hoá doanh nghiệp.

Nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp; thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao tay nghề của người lao động; quan tâm thực hiện đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật đối với người lao động trong doanh nghiệp; tuân thủ pháp luật trong hoạt động và sản xuất kinh doanh.

Các doanh nghiệp nên nghiên cứu để lồng ghép “trách nhiệm cộng đồng của doanh nghiệp” trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Trách nhiệm cộng đồng của doanh nghiệp có thể được hiểu một cách khái quát là sự cam kết của doanh nghiệp về hành vi kinh doanh có đạo đức và đóng góp vào sự phát triển kinh tế đồng thời cải thiện chất lượng cuộc sống của người lao động và gia đình họ cũng như là của cộng đồng nói chung. Việc lồng ghép “trách nhiệm cộng đồng của doanh nghiệp” sẽ giúp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được cải thiện thông qua việc tăng chất lượng và năng suất lao động, tăng độ hài lòng của người lao động, giảm việc vắng mặt mà không có lý do hợp lý của người lao động, và cải thiện chất lượng nguồn nhân. □